BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 157/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 3767
Ngày: 14.11.16
Chuyển: Lưu VT

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 5 tháng12 năm 2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hoá lãnh sự;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự.

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, cung cấp bản sao giấy tờ, tài liệu; cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, cung cấp bản sao giấy tờ, tài liệu; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự.

Điều 2. Người nộp phí

Các tổ chức, cá nhân (không phân biệt trong nước hay nước ngoài) khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, cung cấp bản sao giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu hoặc theo quy định của pháp luật thì phải nộp phí (sau đây gọi chung là phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự) theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thu phí

Bộ Ngoại giao; cơ quan ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trong trường hợp được Bộ Ngoại giao ủy quyền) có nhiệm vụ tổ chức thu, kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Những trường hợp được miễn nộp phí

1. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết, tham gia hoặc thoả thuận có quy định khác thì được thực hiện theo quy định đó.

2. Miễn thu phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hoá lãnh sự đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài trên cơ sở quan hệ ngoại giao "theo nguyên tắc có đi có lại".

Điều 5. Mức thu phí

1. Mức thu phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hoá lãnh sự, như sau:

a) Chứng nhận lãnh sự: 30.000 (ba mươi nghìn) đồng/lần.

b) Hợp pháp hoá lãnh sự: 30.000 (ba mươi nghìn) đồng/lần.

c) Cấp bản sao giấy tờ, tài liệu: 5.000 (năm nghìn) đồng/lần.

2. Phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hoá lãnh sự thu bằng Đồng Việt Nam (VNĐ).

Điều 6. Kê khai, nộp phí

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai phí theo tháng, quyết toán phí theo năm theo quy định tại khoản 3 Điều 19 và nộp phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 7. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước:

a) Đối với hồ sơ đề nghị chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hoá lãnh sự nộp tại Bộ Ngoại giao: Tổ chức thu phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hoá lãnh sự (Bộ Ngoại giao) được trích để lại 30% (ba mươi phần trăm) số tiền phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải chi phí cho công việc thu phí tại Bộ Ngoại giao.

Đối với hồ sơ đề nghị chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hoá lãnh sự nộp tại cơ quan ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Tổ chức thu phí (Bộ Ngoại giao) được để lại 20% (hai mươi phần trăm) tiền thu phí; chuyển cho cơ quan ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 10% (mười phần trăm) tiền thu phí trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải chi phí cho công việc thu phí tại Bộ Ngoại giao và cơ quan ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nội dung chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

b) Số tiền thu phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hoá lãnh sự còn lại 70% (bảy mươi phần trăm), tổ chức thu phí nộp vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017; thay thế Thông tư số 36/2004/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự; Thông tư số 98/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2011 và Thông tư số 01/2013/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 36/2004/TT-BTC.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp phí không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22

tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Uỷ ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST (CST 5). (515)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai